



Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long và các công ty con

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008



Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long và các công ty con Thông tin về Công ty

Giấy Chứng Nhận Đăng ký kinh doanh

Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103003187 ngày 14 tháng 3 năm 2005 và giấy phép điều chỉnh lần thứ tư vào ngày 28 tháng 3 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Cô Gia Thọ	Chủ tịch
Ông Trần Kim Thành	Phó chủ tịch
Ông Trần Lệ Nguyên	Thành viên
Ông Huỳnh Văn Thiện	Thành viên
Ông Vương Lập Bình	Thành viên
Bà Cô Ngân Bình	Thành viên
Bà Cô Cẩm Nguyệt	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Võ Văn Thành Nghĩa	Tổng Giám đốc
Ông Giả Thanh Phong	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Tâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Nhật Phương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Văn Huống	Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Lô 6-8-10-12
Đường 3, Khu Công nghiệp Tân Tạo
Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỀ TRÁCH NHIỆM TRÌNH BÀY CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất cho mỗi năm tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán phổ biến được chấp thuận rộng rãi tại Việt Nam (“VAS”), phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”). Trong quá trình lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và sau đó áp dụng những chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính hợp nhất;
- lập các báo cáo tài chính hợp nhất theo giả định hoạt động liên tục trừ khi việc giả định Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động là không hợp lý.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm bảo đảm việc lưu giữ các sổ sách kế toán để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ các yêu cầu của VAS. Ban Tổng Giám đốc cũng có trách nhiệm về việc quản lý tài sản của Tập đoàn và do đó có trách nhiệm phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận họ tuân theo những yêu cầu trên trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tôi, Cô Gia Thọ, là Chủ tịch Hội đồng Quản trị và thay mặt Hội đồng Quản trị, phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm và các báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và kết quả hoạt động kinh doanh, thay đổi vốn chủ sở hữu và luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán phổ biến được chấp thuận tại Việt Nam.

Đại diện Hội đồng Quản trị



Cô Gia Thọ
Chủ tịch



Công ty TNHH KPMG

Lầu 10, Tòa nhà Sun Wah
Số 115, Nguyễn Huệ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Việt Nam

Điện thoại 84 (8) 3821 9266

Số fax 84 (8) 3821 9267

Website www.kpmg.com

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày. Các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất này trong báo cáo kiểm toán ngày 31 tháng 3 năm 2008.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết trình trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của Ban Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán phổ biến được chấp thuận tại Việt Nam.

KPMG Limited

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 08-01-366



Chong Kwang Puay

Chứng chỉ kiểm toán viên số N0864/KTV

Phó Tổng Giám đốc

Lê Đức Phong

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0465/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh **31 MAR 2009**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2008

	Mã số	Thuyết minh	2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn	100		269.183.566	198.751.427
Tiền	110	3	41.156.524	11.364.439
Các khoản đầu tư ngắn hạn	120	4	801.200	-
Đầu tư ngắn hạn	121		1.347.690	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(546.490)	-
Các khoản phải thu - ngắn hạn	130	5	28.588.584	59.970.124
Phải thu thương mại	131		20.231.286	49.991.281
Trả trước cho người bán	132		5.371.106	9.842.648
Các khoản phải thu khác	135		2.986.192	136.195
Hàng tồn kho	140	6	182.899.199	98.760.001
Hàng tồn kho	141		183.136.448	99.220.751
Dự phòng hàng tồn kho	149		(237.249)	(460.750)
Tài sản ngắn hạn khác	150		15.738.059	28.656.863
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.131.381	1.077.992
Thuế phải thu từ Ngân sách Nhà nước	154	7	10.662.303	2.502.958
Tài sản ngắn hạn khác	158		3.944.375	25.075.913

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000
Tài sản dài hạn	200		269.723.304	169.177.589
Tài sản cố định	220		210.400.114	126.115.945
Tài sản cố định hữu hình	221	8	171.878.344	89.036.159
<i>Nguyên giá</i>	222		275.242.655	167.087.791
<i>Khấu hao lũy kế</i>	223		(103.364.311)	(78.051.632)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	9	-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	2.874.728
<i>Khấu hao lũy kế</i>	226		-	(2.874.728)
Tài sản cố định vô hình	227	10	23.619.704	24.348.929
<i>Nguyên giá</i>	228		26.519.474	26.419.964
<i>Phân bổ lũy kế</i>	229		(2.899.770)	(2.071.035)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	14.902.066	12.730.857
Tài sản dài hạn	250	4	50.878.363	37.707.245
Đầu tư dài hạn khác	258		54.777.694	38.700.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(3.899.331)	(992.755)
Tài sản dài hạn khác	260		8.444.827	5.354.399
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	4.992.987	4.231.708
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	3.410.375	1.056.229
Tài sản dài hạn khác	268		41.465	66.462
TỔNG TÀI SẢN	270		538.906.870	367.929.016

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		186.649.956	206.687.380
Nợ ngắn hạn	310		121.893.794	170.972.963
Vay và nợ ngắn hạn	311	15	70.680.791	101.769.262
Phải trả thương mại	312		26.018.423	23.945.530
Người mua trả tiền trước	313		813.308	39.203
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	16	8.360.175	7.705.102
Phải trả công nhân viên	315		6.454.411	2.328.970
Chi phí phải trả	316	17	3.413.121	11.800.743
Các khoản phải trả khác	319	18	6.153.565	23.384.153
Nợ dài hạn	330		64.756.162	35.714.417
Nợ dài hạn khác	333		-	6.529.702
Vay và nợ dài hạn	334	19	58.125.879	23.086.989
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	20	6.630.283	6.097.726
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		352.256.914	161.241.636
Vốn chủ sở hữu	410		326.182.382	148.159.464
Vốn cổ phần	411	21	155.000.000	120.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	21	130.654.353	-
Cổ phiếu quỹ	414	21	(599.400)	-
Quỹ đầu tư phát triển	417	22	9.719.333	4.921.355
Quỹ dự phòng tài chính	418	22	6.438.430	1.640.452
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	419	22	2.909.502	5.892.676
Lợi nhuận chưa phân phối	420		22.060.164	15.704.981
Lợi ích cổ đông thiểu số	439		26.074.532	13.082.172
TỔNG NGUỒN VỐN	440		538.906.870	367.929.016

Người lập:



Giả Thanh Phong
 Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính

Người duyệt:



Võ Văn Thành Nghĩa
 Tổng Giám đốc

31 MAR 2009

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2008

	Mã số	Thuyết minh	2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000
Tổng doanh thu	01	23	499.381.348	416.703.038
Các khoản giảm trừ	02		(14.884.571)	(4.796.941)
Doanh thu thuần	10		484.496.777	411.906.097
Giá vốn hàng bán	11		(292.017.590)	(256.649.045)
Lợi nhuận gộp	20		192.479.187	155.257.052
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	8.008.383	809.542
Chi phí hoạt động tài chính	22	25	(19.670.625)	(10.938.117)
Chi phí bán hàng	24		(61.685.305)	(57.770.623)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(58.331.684)	(39.346.116)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		60.799.956	48.011.738
Kết quả từ các hoạt động khác	40			
Thu nhập khác	31	26	3.987.161	2.186.099
Chi phí khác	32	27	(1.990.629)	(552.953)
Lợi nhuận trước thuế	50		62.796.488	49.644.884
Chi phí thuế thu nhập – hiện hành	51	28	(23.593.888)	(13.739.586)
Chi phí thuế thu nhập – hoãn lại	52	28	2.354.146	113.993
Lợi nhuận thuần	60		41.556.746	36.019.291

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000
Phân bổ cho:				
Cổ đông thiểu số	61		(5.392.299)	(1.392.970)
Chủ sở hữu của Công ty	62		46.949.045	37.412.261
Lãi trên cổ phiếu	70	29		
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu			3,150	3,118

Người lập:



Giả Thanh Phong
Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính



Người duyệt:



Võ Văn Thành Nghĩa
Tổng Giám đốc

3 1 MAR 2009

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long và các công ty con
Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

	Vốn cổ phần VNĐ'000	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ'000	Cổ phiếu quỹ VNĐ'000	Quỹ đầu tư và phát triển VNĐ'000	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ'000	Quỹ khen thưởng và phúc lợi VNĐ'000	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ'000	Tổng VNĐ'000	Lợi ích cổ đông thiểu số VNĐ'000	Tổng vốn chủ sở hữu VNĐ'000
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2007	120.000.000	-	-	4.921.355	1.640.452	3.295.610	6.412.718	136.270.135	2.875.142	139.145.277
Lợi nhuận/(ổ) thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	37.412.261	37.412.261	(1.392.970)	36.019.291
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	644.926	644.926	-	644.926
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	9.564.924	(9.564.924)	-	-	-
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	(19.200.000)	(19.200.000)	-	(19.200.000)
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	-	(6.967.858)	-	(6.967.858)	-	(6.967.858)
Góp vốn vào các công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	11.600.000	11.600.000
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2008	120.000.000	-	-	4.921.355	1.640.452	5.892.676	15.704.981	148.159.464	13.082.172	161.241.636
(Số dư mang sang ở trang tiếp theo)										

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long và các công ty con
Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

	Vốn cổ phần VNĐ'000	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ'000	Cổ phiếu quỹ VNĐ'000	Quỹ đầu tư và phát triển VNĐ'000	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ'000	Quỹ khen thưởng và phúc lợi VNĐ'000	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ'000	Tổng VNĐ'000	Lợi ích cổ đông thiếu số VNĐ'000	Tổng vốn chủ sở hữu VNĐ'000
(Số dư mang sang từ trang trước)										
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2008	120.000.000	-	-	4.921.355	1.640.452	5.892.676	15.704.981	148.159.464	13.082.172	161.241.636
Vốn cổ phần đã phát hành	35.000.000	130.654.353	-	-	-	-	-	165.654.353	-	165.654.353
Lợi nhuận/(ổ) thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	46.949.045	46.949.045 (5.392.299)	41.556.746	-
Cổ phiếu quỹ mua vào trong năm	-	-	(599.400)	-	-	-	-	(599.400)	-	(599.400)
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	4.797.978	4.797.978	4.565.200 (14.161.156)	-	-	-	-
Cổ tức (Thuyết minh 30)	-	-	-	-	-	-	(24.752.047)	(24.752.047)	-	(24.752.047)
Mua lại lợi ích của cổ đông thiểu số bởi Tập đoàn	-	-	-	-	-	-	(1.680.659)	(1.680.659)	1.680.659	-
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	-	(7.548.374)	-	(7.548.374)	-	(7.548.374)
Góp vốn vào các công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	16.704.000	16.704.000

Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2008

155.000.000	130.654.353	(599.400)	9.719.333	6.438.430	2.909.502	22.060.164	326.182.382	26.074.532	352.256.914
-------------	-------------	-----------	-----------	-----------	-----------	------------	-------------	------------	-------------

Người lập:

Người duyệt:

Giả Thanh Phong

Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính

Võ Văn Thành Nghĩa

Tổng Giám đốc

31 MAR 2009

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

	Mã số	Thuyết minh	2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		62.796.488	49.644.884
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		28.820.165	20.561.593
Các khoản dự phòng	03		8.205.906	(970.384)
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	04		-	16.189
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(7.593.896)	(775.662)
Chi phí lãi vay	06		12.506.836	9.397.606
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		104.735.499	77.874.226
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		48.306.057	(28.232.061)
Biến động hàng tồn kho	10		(81.940.347)	(10.276.194)
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11		(16.896.511)	32.550.339
Biến động chi phí trả trước	12		(53.389)	(2.961.415)
			54.151.309	68.954.895
Tiền lãi vay đã trả	13		(11.727.456)	(9.319.256)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(21.362.890)	(9.811.252)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(7.548.374)	(7.088.371)
Tiền thuần thu từ hoạt động kinh doanh	20		13.512.589	42.736.016

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
(tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(121.062.367)	(61.221.969)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		2.727.110	745.500
Tiền chi đầu tư vào các đơn vị khác	25		(17.425.384)	(32.100.000)
Tiền thu từ đầu tư vào các đơn vị khác	26		120.000	-
Tiền lãi và cổ tức thu được	27		7.092.514	228.830
Tiền thuần thu từ/(chi cho) các hoạt động đầu tư	30		(128.548.127)	(92.347.639)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		165.654.353	-
Thu từ cổ phần đã phát hành cho cổ đông thiểu số	31		16.704.000	-
Tiền chi cho cổ phiếu trả lại và mua lại cổ phiếu	32		(599.400)	-
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		188.443.571	235.893.161
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(191.022.854)	(173.803.162)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	(627.944)
Tiền chi trả cổ tức	36		(34.352.047)	(9.600.000)
Tiền thuần thu từ hoạt động tài chính	40		144.827.623	51.862.055

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
(tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		29.792.085	2.250.432
Tiền đầu năm	60		11.364.439	9.114.007
Tiền cuối năm	70	3	41.156.524	11.364.439

Người lập:



Giả Thanh Phong
Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính

Người duyệt:



Võ Văn Thành Nghĩa
Tổng Giám đốc

3 1 MAR 2009

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long và các công ty con **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long (“Công ty”) và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”) được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh văn phòng phẩm, dụng cụ trường học, dụng cụ giảng dạy bằng nhựa, đồ dùng gia dụng bằng nhựa, in ấn nhãn hiệu, in lụa và in ấn các loại bao bì và các sản phẩm. Các hoạt động chính của các công ty con được trình bày ở Thuyết minh 12.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 Tập đoàn có 1.950 nhân viên (2007: 1.752 nhân viên).

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

(i) Cơ sở kế toán chung

Cáo báo cáo tài chính hợp nhất trình bày bằng Đồng Việt Nam làm tròn tới hàng nghìn (“VNĐ’000”), được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán phổ biến được chấp thuận tại Việt Nam.

Các báo cáo tài chính này là các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Công ty phát hành các báo cáo tài chính riêng.

Các báo cáo tài chính hợp nhất, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
(tiếp theo)

(ii) Cơ sở hợp nhất

Các công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền điều hành các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn trong các Công ty này.

(b) Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(c) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VNĐ trong năm được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá chưa và đã thực hiện được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(d) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long và các công ty con

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
(tiếp theo)**

(e) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư vào các công cụ tài chính và đầu tư vốn vào các công ty mà Tập đoàn không kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Lãnh đạo cho rằng việc giảm giá này không mang tính tạm thời. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(f) Các khoản phải thu

Phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu nợ khó đòi.

(g) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí tháo dỡ và di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
(tiếp theo)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|------------|
| ■ nhà xưởng | 5 – 25 năm |
| ■ máy móc và thiết bị | 5 – 7 năm |
| ■ thiết bị văn phòng | 5 năm |
| ■ phương tiện vận chuyển | 6 – 10 năm |
| ■ khuôn mẫu | 3 năm |

(i) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ phân bổ lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí phân bổ trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất ổn định lâu dài thì không phải khấu hao.

(ii) Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

(iii) Quyền sáng chế

Quyền sáng chế mua lại từ các bên thứ ba được phản ánh theo nguyên giá trừ đi phân bổ lũy kế. Chi phí ban đầu của quyền sáng chế bao gồm giá mua, thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí đăng ký. Quyền sáng chế được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.

(iv) Chi phí thiết kế trang web

Chi phí thiết kế trang web được phản ánh theo nguyên giá trừ đi phân bổ lũy kế. Chi phí thiết kế trang web ban đầu bao gồm giá mua, thuế mua hàng không được hoàn lại, và tất cả chi phí liên quan trực tiếp đến việc thiết lập trang web. Chi phí thiết kế trang web được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

(j) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh nguyên giá công cụ và dụng cụ có thời gian hữu dụng hơn một năm. Các công cụ và dụng cụ này ban đầu được phản ánh theo nguyên giá, và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng hai đến ba năm tính từ ngày công cụ và dụng cụ này được đưa vào sử dụng.

(l) Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán, cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
(tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các khoản chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ hiện thực hóa được.

(o) Mua lại lợi ích cổ đông thiểu số

Chênh lệch giữa chi phí mua lại và giá trị phần sở hữu của cổ đông thiểu số đối với các tài sản và công nợ có thể nhận biết được ghi nhận ngay vào lợi nhuận chưa phân phối.

(p) Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(q) Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(r) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản cố định hữu hình đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản cố định này.

(s) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
(tiếp theo)

(t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn cho rằng Tập đoàn hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm văn phòng phẩm và một bộ phận chia theo vùng địa lý trọng yếu là Việt Nam.

(u) Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm các cổ đông, các công ty con và các công ty liên kết của Tập đoàn.

(v) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
(tiếp theo)

3. Tiền

	2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000
Tiền mặt	426.912	1.515.344
Tiền gửi ngân hàng	40.729.612	9.849.095
Tiền trong bảng cân đối kế toán hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	<u>41.156.524</u>	<u>11.364.439</u>

Bao gồm trong tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 có số ngoại tệ khác VNĐ tương đương 3.395 triệu VNĐ (2007: 2.836 triệu VNĐ).

4. Các khoản đầu tư

	2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000
Khoản đầu tư ngắn hạn vào:		
■ chứng khoán	1.347.690	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(546.490)	-
	<u>801.200</u>	<u>-</u>
Khoản đầu tư dài hạn vào:		
■ chứng khoán	54.777.694	38.700.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	<u>54.777.694</u> (3.899.331)	<u>38.700.000</u> (992.755)
	<u>50.878.363</u>	<u>37.707.245</u>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
(tiếp theo)

Biến động dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư trong năm như sau:

	Ngắn hạn		Dài hạn	
	2008	2007	2008	2007
	VNĐ'000	VNĐ'000	VNĐ'000	VNĐ'000
Số dư đầu năm		-	992.755	-
Tăng dự phòng trong năm	546.490	-	2.906.576	992.755
Số dư cuối năm	546.490	-	3.899.331	992.755

5. Các khoản phải thu – ngắn hạn

Các khoản phải thu bao gồm:

	2008	2007
	VNĐ'000	VNĐ'000
Phải thu từ Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Nam	2.867.180	-
Phải thu khác	119.012	136.195
	2.986.192	136.195

6. Hàng tồn kho

	2008	2007
	VNĐ'000	VNĐ'000
Hàng mua đang đi trên đường	5.926.548	4.687.589
Nguyên vật liệu	63.531.285	42.004.639
Công cụ và dụng cụ	211.051	294.337
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	14.933.400	10.826.302
Thành phẩm	84.663.409	19.298.010
Hàng hóa	13.870.755	9.803.592
Hàng gửi đi bán	-	12.306.282
	183.136.448	99.220.751
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(237.249)	(460.750)
	182.899.199	98.760.001

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
(tiếp theo)

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000
Số dư đầu năm	460.750	1.035.421
Dự phòng sử dụng trong năm	(33.493)	(574.671)
Hoàn nhập	(190.008)	-
Số dư cuối năm	<u>237.249</u>	<u>460.750</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, toàn bộ nguyên vật liệu và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty, cùng với thành phẩm và hàng hóa có giá trị sổ sách là 1.792 triệu VNĐ (2007: 24.183 triệu VNĐ) đã được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tập đoàn.

7. Thuế phải thu từ Ngân sách Nhà nước

	2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000
Các khoản thuế đã nộp cho Nhà nước có thể được hoàn lại		
■ Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	9.577.159	2.502.958
■ Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.085.144	-
	<u>10.662.303</u>	<u>2.502.958</u>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà xưởng VND'000	Máy móc và thiết bị VND'000	Thiết bị văn phòng VND'000	Phương tiện vận chuyển VND'000	Khấu hao VND'000	Tổng cộng VND'000
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	36.938.030	58.029.984	3.174.529	9.699.868	59.245.380	167.087.791
Tăng trong năm	-	7.560.452	270.828	3.042.670	501.531	11.375.481
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	-	1.550.887	-	-	1.323.841	2.874.728
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	61.481.814	30.352.973	-	7.563	5.751.965	97.594.315
Thanh lý	-	(2.317.234)	(576.490)	(795.936)	-	(3.689.660)
Số dư cuối năm	98.419.844	95.177.062	2.868.867	11.954.165	66.822.717	275.242.655
Phân bổ lũy kế						
Số dư đầu năm	4.835.172	28.798.388	1.470.001	5.583.084	37.364.987	78.051.632
Khấu hao trong năm	2.082.016	10.357.529	583.498	1.526.249	10.817.200	25.366.492
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	-	1.550.887	-	-	1.323.841	2.874.728
Thanh lý	-	(2.314.731)	(269.928)	(343.882)	-	(2.928.541)
Số dư cuối năm	6.917.188	38.392.073	1.783.571	6.765.451	49.506.028	103.364.311

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

	Nhà xưởng VND'000	Máy móc và thiết bị VND'000	Thiết bị văn phòng VND'000	Phương tiện vận chuyển VND'000	Khấu hao mẫu VND'000	Tổng cộng VND'000
Giá trị còn lại						
Số dư cuối năm	91.502.656	56.784.989	1.085.296	5.188.714	17.316.689	171.878.344
Số dư đầu năm	32.102.858	29.231.596	1.704.528	4.116.784	21.880.393	89.036.159

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá là 54.010 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 (2007: 41.255 triệu), nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 tài sản cố định hữu hình có giá trị sổ sách là 98.261 triệu VND (2007: 48.742 triệu VND) đã được thế chấp với ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
(tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị VNĐ'000	Khuôn mẫu VNĐ'000	Tổng VNĐ'000
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	1.550.887	1.323.841	2.874.728
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(1.550.887)	(1.323.841)	(2.874.728)
Số dư cuối năm	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.550.887	1.323.841	2.874.728
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(1.550.887)	(1.323.841)	(2.874.728)
Số dư cuối năm	-	-	-
Giá trị còn lại			
Số dư cuối năm	-	-	-
Số dư đầu năm	-	-	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
(tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VNĐ'000	Phần mềm vi tính VNĐ'000	Quyền sáng chế VNĐ'000	Chi phí thiết kế trang web VNĐ'000	Tổng VNĐ'000
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	25.001.020	1.244.766	58.200	115.978	26.419.964
Tăng trong năm	-	99.510	-	-	99.510
Số dư cuối năm	25.001.020	1.344.276	58.200	115.978	26.519.474
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	1.478.383	437.803	58.200	96.649	2.071.035
Phân bổ trong năm	329.422	479.984	-	19.329	828.735
Số dư cuối năm	1.807.805	917.787	58.200	115.978	2.899.770
Giá trị còn lại					
Số dư cuối năm	23.193.215	426.489	-	-	23.619.704
Số dư đầu năm	23.522.637	806.963	-	19.329	24.348.929

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 tài sản cố định vô hình có giá trị ghi sổ là 8.671 triệu VNĐ (2007: 8.671 triệu VNĐ) đã được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000
Số dư đầu năm	12.730.857	3.183.945
Tăng trong năm	104.638.484	12.975.648
Xóa sổ	(1.239.612)	-
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(97.594.315)	(3.254.648)
Chuyển sang hàng tồn kho	(2.008.843)	(174.088)
Chuyển sang phải thu khác	(1.624.505)	-
Số dư cuối năm	14.902.066	12.730.857

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
(tiếp theo)

12. Các công ty trong Tập đoàn

Bảng liệt kê chi tiết các công ty con của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2008:

Tên công ty con	Hoạt động chính	2008 % quyền sử dụng	2007 % quyền sử dụng
Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch vụ và Thương mại Thiên Long Hoàn Cầu	Kinh doanh văn phòng phẩm	100%	-
Công ty Cổ phần Thiên Long Long Thành	Sản xuất văn phòng phẩm	65%	51%
Công ty Cổ phần Thiên Long Miền Bắc	Không hoạt động và chuẩn bị giải thể	51%	51%

Trong năm, Công ty Cổ phần Thiên Long Long Thành đã phát hành cổ phiếu mới và Công ty đã mua hơn 51% cổ phần của đợt phát hành mới này để tăng cổ phần từ 51% lên 65%.

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí trước hoạt động VNĐ'000	Chi phí thuê đất trả trước VNĐ'000	Công cụ và dụng cụ VNĐ'000	Tổng VNĐ'000
Số dư đầu năm	1.682.889	-	2.548.819	4.231.708
Tăng trong năm	327.564	548.319	4.073.009	4.948.892
Thanh lý	(320.000)	-	-	(320.000)
Phân bổ trong năm	(447.778)	(216.379)	(1.960.781)	(2.624.938)
Chuyển sang phải thu khác	(1.242.675)	-	-	(1.242.675)
Số dư cuối năm	-	331.940	4.661.047	4.992.987

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
(tiếp theo)

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Chi phí phải trả và các khoản dự phòng	3.366.406	1.056.229
Các khoản mục khác	43.969	-
	<u>3.410.375</u>	<u>1.056.229</u>

15. Vay và nợ ngắn hạn

	2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000
Vay ngắn hạn	46.417.739	92.370.991
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 19)	24.263.052	9.398.271
	<u>70.680.791</u>	<u>101.769.262</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, nợ ngắn hạn bao gồm các khoản vay ngắn hạn từ ba ngân hàng với hạn mức là 2 triệu Đô la Mỹ và 80.000 triệu VNĐ.

Khoản vay bằng Đô la Mỹ từ ngân hàng HSBC được bảo đảm bằng toàn bộ nguyên vật liệu và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty, với điều kiện giá trị hàng tồn kho của Công ty được đem thế chấp để bảo đảm cho khoản vay phải được duy trì cao hơn số dư nợ khoản vay tại mọi thời điểm. Khoản vay này bao gồm một khoản thấu chi, chịu lãi suất năm bằng chi phí vốn bằng VNĐ 1 tháng cộng 3% và khoản vay nhập khẩu, chịu lãi suất năm bằng chi phí chi phí vốn bằng VNĐ 1 tháng cộng 2% (2008: 4,88% đến 8,19%; 2007: 9,47% đến 11,51%). Khoản vốn gốc còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 708.000 Đô la Mỹ (2007: 262.000 Đô la Mỹ).

Khoản vay bằng VNĐ từ Sacombank bao gồm 10.000 triệu VNĐ là tín chấp, số còn lại được bảo đảm bằng thành phẩm và hàng hóa. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, giá vốn thành phẩm và hàng hóa thế chấp cho Sacombank là 1.792 triệu VNĐ (2007: 24.183 triệu). Lãi suất rút vốn trong năm 2008 dao động từ 12% đến 17% một năm (2007: 12% đến 12,6%). Khoản nợ gốc còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 có giá trị là 13.125 triệu VNĐ (2007: 30.000 triệu VNĐ).

Khoản vay bằng VNĐ từ Ngân hàng BIDV được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 10.278 triệu VNĐ (2007: 24.398 triệu VNĐ). Trong năm, khoản vay này chịu lãi suất năm từ 10,8% đến 15,6% (2007: 10,92% đến 11,10%). Khoản nợ gốc còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 20.903 triệu VNĐ (2007: 38.826 triệu VNĐ).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
(tiếp theo)

16. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	2008	2007
	VNĐ'000	VNĐ'000
Thuế		
Thuế giá trị gia tăng	236.175	3.545.993
Thuế xuất nhập khẩu	853.015	717.263
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.439.266	3.123.124
Thuế thu nhập cá nhân	135.327	318.722
Thuế khác	696.392	-
	8.360.175	7.705.102

17. Chi phí phải trả

	2008	2007
	VNĐ'000	VNĐ'000
Cổ tức phải trả	-	9.600.000
Phí đi lại cho nhân viên	-	64.762
Phúc lợi cho nhân viên	-	209.496
Phí kiểm toán	733.794	515.243
Tiền lãi vay	779.380	441.727
Tiền thưởng	1.084.559	-
Chi phí khác	815.388	969.515
	3.413.121	11.800.743

18. Phải trả khác

Phải trả khác bao gồm:

	2008	2007
	VNĐ'000	VNĐ'000
Kinh phí công đoàn	638.557	683.772
Bảo hiểm xã hội	989.807	23.460
Bảo hiểm y tế	248.865	-
Phải trả các cổ đông	-	22.121.982
Phải trả khác	4.276.336	554.939
	6.153.565	23.384.153

Khoản phải trả các cổ đông không được bảo đảm, không chịu lãi và được hoàn trả theo yêu cầu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
(tiếp theo)

19. Vay và nợ dài hạn

	2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000
Vay dài hạn		
Khoản vay từ BIDV Bank (a)	3.725.532	8.697.532
Khoản vay từ BIDV Bank (b)	4.764.289	6.672.289
Khoản vay từ Sacombank (c)	6.842.168	9.068.228
Khoản vay từ Sacombank (d)	67.056.942	7.755.000
Nợ thuê tài chính - Incombank	-	292.211
	82.388.931	32.485.260
Khoản vay dài hạn đến hạn trả		
Khoản vay từ ngân hàng BIDV (a)	3.725.532	4.972.000
Khoản vay từ ngân hàng BIDV (b)	1.908.000	1.908.000
Khoản vay từ Sacombank (c)	1.866.060	2.226.060
Khoản vay từ Sacombank (d)	16.763.460	-
Nợ thuê tài chính - Incombank	-	292.211
Phải trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 15)	24.263.052	9.398.271
Phải trả sau 12 tháng	58.125.879	23.086.989

- a. Khoản vay này có hạn mức là 21.534 triệu VNĐ và chịu lãi suất năm bằng lãi suất tiền gửi kì hạn 12 tháng cộng 2,52% (2008: 9,60% đến 17,63%; 2007: 8% đến 12%). Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 9.050 triệu VNĐ (2007: 9.380 triệu VNĐ) và dư nợ gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 được hoàn trả trong 2 quý, mỗi quý là 1.243 triệu VNĐ, và số còn lại được thanh toán vào quý 3 năm 2009.
- b. Khoản vay này có hạn mức là 10.000 triệu VNĐ và chịu lãi suất năm bằng lãi suất tiền gửi kì hạn 12 tháng cộng 3,24% (2008: 11,05% đến 19,69%; 2007: 9% đến 13%). Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 8.446 triệu VNĐ (2007: 11.464 triệu VNĐ). Số dư của khoản vay này tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 được hoàn trả đều nhau trong 9 quý, mỗi quý là 477 triệu VNĐ, và lần hoàn trả cuối cùng sẽ trả số dư còn lại vào quý 2 năm 2011.
- c. Khoản vay này có hạn mức là 14.500 triệu VNĐ và chịu lãi suất năm bằng lãi suất tiền gửi kì hạn 12 tháng cộng 5,4% (2008: 12,40% đến 21%; 2007: 12%). Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 11.306 triệu VNĐ (2007: 12.171 triệu VNĐ) và số dư còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 được trả trong vòng 44 tháng, mỗi tháng 155,5 triệu VNĐ.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long và các công ty con**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)**

d. Khoản vay này được đảm bảo bởi tài sản cố định có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 67.852 triệu VNĐ (2007: không) đã được đem thế chấp với bên cho vay. Trong năm, khoản vay này chịu lãi suất năm từ 11,4% đến 12,6% (2007: 11,4%) và số dư còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 được trả trong vòng 48 tháng, mỗi tháng trả 1.397 triệu VNĐ.

20. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	VNĐ'000
Số dư đầu năm	6.097.726
Dự phòng lập trong năm	4.942.848
Dự phòng sử dụng trong năm	(4.410.291)
Số dư cuối năm	<u>6.630.283</u>

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên và 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ (hiện tại là 540.000 VNĐ/tháng). Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
(tiếp theo)

21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tập đoàn là:

	2008		2007	
	Số lượng cổ phần	VNĐ'000	Số lượng cổ phần	VNĐ'000
Vốn cổ phần được duyệt	15.500.000	155.000.000	12.000.000	120.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	15.500.000	155.000.000	12.000.000	120.000.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(59.940)	(599.400)	-	-
Số cổ phiếu hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	15.440.060	154.400.600	12.000.000	120.000.000

Toàn bộ vốn cổ phần được duyệt của Tập đoàn đã được phát hành và đã được các cổ đông góp đủ. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tập đoàn. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tập đoàn công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tập đoàn. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Tập đoàn mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động cổ phiếu đang lưu hành trong năm như sau:

	2008		2007	
	Số lượng cổ phiếu	VNĐ'000	Số lượng cổ phiếu	VNĐ'000
Số dư đầu năm	12.000.000	120.000.000	12.000.000	120.000.000
Cổ phiếu phát hành trong năm	3.500.000	35.000.000	-	-
Cổ phiếu quỹ mua lại trong năm	(59.940)	(599.400)	-	-
Số dư cuối năm	15.440.060	154.400.600	12.000.000	120.000.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
(tiếp theo)

22. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư và phát triển và quỹ dự phòng tài chính

Quỹ đầu tư và phát triển và quỹ dự phòng tài chính được trích từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Các quỹ này được lập nhằm mục đích mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh trong tương lai.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Các quỹ này được lập nhằm mục đích chi cho các phúc lợi và thưởng cho nhân viên.

23. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán được ghi trên hoá đơn không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000
Thu nhập từ tiền gửi ngân hàng	5.817.376	141.370
Cổ tức	1.275.138	77.500
Lãi chênh lệch tỷ giá	795.249	436.873
Thu nhập từ các khoản đầu tư khác	120.000	151.330
Thu nhập tài chính khác	620	2.469
	8.008.383	809.542

25. Chi phí hoạt động tài chính

	2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000
Chi phí lãi vay phải trả cho ngân hàng và bên thứ ba	12.506.836	9.362.008
Lỗ chênh lệch tỷ giá	3.576.529	567.166
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn và dài hạn	3.453.066	992.755
Chi phí tài chính khác	134.194	16.188
	19.670.625	10.938.117

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
(tiếp theo)

26. Thu nhập khác

	2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000
Thu từ thanh lý tài sản cố định	381.382	745.500
Thu từ bán phế liệu	434.549	526.595
Thu nhập khác	3.171.230	914.004
	3.987.161	2.186.099

27. Chi phí khác

	2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000
Chi phí thanh lý tài sản cố định hữu hình	-	198.668
Xóa sổ hàng phế liệu	701.884	221.934
Chi phí khác	1.288.745	132.351
	1.990.629	552.953

28. Thuế thu nhập**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	23.593.888	13.739.586
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(2.354.146)	(113.993)
Chi phí thuế thu nhập	21.239.742	13.625.593

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
(tiếp theo)

(b) Đối chiếu thuế suất hiệu quả

	2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000
Lợi nhuận trước thuế	62.796.488	49.644.884
Thuế theo thuế suất của Công ty	17.583.017	13.900.568
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác nhau áp dụng cho các công ty con	137.326	306.419
Chi phí không được khấu trừ thuế	3.419.195	1.139.461
Thu nhập miễn thuế	(2.950.289)	(1.720.855)
Ảnh hưởng của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận theo các mức thuế suất khác nhau	447.537	-
	18.636.786	13.625.593
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	2.692.956	-
	21.329.742	13.625.593

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với lỗ tính thuế của các công ty con không được ghi nhận vì không chắc chắn sẽ có lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để Tập đoàn có thể sử dụng lợi ích của các khoản lỗ này.

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty và mỗi công ty con có nghĩa vụ riêng phải nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp từ 15% đến 28% trên lợi nhuận chịu thuế. Một trong số các công ty con của Công ty được miễn thuế thu nhập trong ba năm tính từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế, và được giảm 50% thuế thu nhập trong bảy năm tiếp theo.

Tập đoàn cũng được miễn thuế đối với một số khoản đầu tư vào máy móc thiết bị và nhà xưởng.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm từ 28% còn 25% do thay đổi trong luật thuế thu nhập có hiệu lực.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
(tiếp theo)

29. Lãi trên cổ phiếu

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông là 46.949 triệu VNĐ (2007: 37.412 triệu VNĐ) và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành là 14.906.677 (2007: 12.000.000), được thực hiện như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

	2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	46.949.045	37.412.261

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành

	31/12/2008 Số lượng cổ phần	31/12/2007 Số lượng cổ phần
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	12.000.000	12.000.000
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phát hành trong năm	2.916.667	-
Ảnh hưởng của số cổ phiếu mua lại	(9.990)	-
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	14.906.677	12.000.000

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu vì hiện không có ảnh hưởng suy giảm tiềm tàng đối với cổ phiếu phổ thông.

30. Cổ tức

Trong năm, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 24.752 triệu VNĐ hay 1.603 VNĐ/cổ phiếu vào ngày 17 tháng 12 năm 2008.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long và các công ty con**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)****31. Các cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	2008 VNĐ'000
Trong vòng một năm	3.190.477
Trong vòng hai đến năm năm	2.997.799
	6.188.276

32. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	284.128.030	259.538.306
Chi phí nhân công và nhân viên	74.462.841	49.198.110
Chi phí khấu hao và phân bổ	28.820.164	20.561.593
Chi phí dịch vụ mua ngoài	63.595.466	60.666.885
Chi phí khác	20.408.819	26.477.552

Người lập:



Giả Thanh Phong

Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính

Người duyệt:



Võ Văn Thành Nghĩa

Tổng Giám đốc

31 MAR 2009